

KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II. 2024 - 2025

MÔN: CÔNG NGHỆ 9

Thời gian: 45 phút

I. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ 2

CHỦ ĐỀ	MỨC ĐỘ						Tổng số câu		Điểm số
	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng				
	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
Chủ đề 1. Nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ	1		1		1		3		1,5
Chủ đề 2. Giáo dục kĩ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục quốc dân.	2		2		1		5		2,5
Chủ đề 3. Thị trường lao động kĩ thuật, công nghệ tại Việt Nam	3		2		1		6		3,0
Tổng số câu TN/TL	6		5	1	3	1	14	2	10
Điểm số	3,0		2,5	1,0	1,5	2,0	7,0	3,0	10
Tổng số điểm	3,0 điểm		3,5 điểm		3,5 điểm		10 điểm		100%

II. BẢN ĐẶC TẢ

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số câu TL/ Số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (số câu)	TN (số câu)	TL	TN
Định hướng nghề nghiệp			2	14		
Chủ đề 1. Nghề nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ	Nhận biết	Khái niệm nghề nghiệp		1		C1
	Thông hiểu	- Hiểu được nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kỹ thuật , công nghệ.		2		C2, 3
	Vận dụng					
Chủ đề 2. Giáo dục kỹ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục quốc dân.	Nhận biết	- Biết được thời điểm phân luồng trong HTGD - Biết một số nghề trong lĩnh vực KT, CN		2		C4, C5
	Thông hiểu	- Hiểu được ý nghĩa của sự phân luồng trong giáo dục.		2		C6, C7
	Vận dụng	-Chọn được một số nghề trong lĩnh vực KT, CN.		1		C8
Chủ đề 3. Thị trường lao động kỹ thuật, công nghệ tại Việt Nam	Nhận biết	- Khái niệm và các yếu tố ảnh hưởng đến thị trường lao động		3		C9, C10, C11
	Thông hiểu	- Hiểu quy trình tìm kiếm thông tin thị trường lao động trong lĩnh vực KT, CN tại Việt Nam		3		C12, C13, C14

III. ĐỀ KIỂM TRA

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7đ) Hãy khoanh tròn câu trả lời mà em cho là đúng nhất

Câu 1. Nghề nghiệp là

- A. Tập hợp các công việc cụ thể, giống nhau về các nhiệm vụ hoặc mức độ tương đồng cao về nhiệm vụ chính.
- B. Các công việc có thu nhập cao, tạo ra các sản phẩm phục vụ hoạt động giải trí của con người.
- C. Tập hợp các công việc lao động trí óc.
- D. Tập hợp các công việc lao động chân tay.

Câu 2. Nghề **không** thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ là

- A. Kỹ sư điện
- B. Kỹ sư hóa học
- C. Thợ hàn
- D. Giáo viên

Câu 3. Để sửa chữa ô tô, em phải tìm

- A. Kỹ sư xây dựng
- B. Kỹ thuật viên điện dân dụng
- C. Thợ sửa chữa xe có động cơ
- D. Thợ lát đá

Câu 4. Hệ thống giáo dục quốc dân gồm giáo dục chính quy và

- A. giáo dục thường xuyên.
- B. giáo dục đại học.
- C. phổ cập giáo dục.
- D. giáo dục phổ thông.

Câu 5. Giáo dục phổ thông **không** bao gồm

- A. giáo dục tiểu học.
- B. giáo dục trung học cơ sở.
- C. giáo dục trung học phổ thông.
- D. giáo dục mầm non.

Câu 6. Phân luồng trong giáo dục dựa trên cơ sở

- A. phân loại học sinh.
- B. trình độ dân trí.
- C. hướng nghiệp.
- D. điều kiện xã hội.

Câu 7. Có mấy thời điểm phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông?

- A. 1.
- B. 2.
- C. 3.
- D. 4.

Câu 8. Ngành, nghề không thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ là

- A. thợ xây nhà.
- B. thợ hàn.
- C. thợ cắt tóc.
- D. điện dân dụng.

Câu 9. Thị trường lao động là

- A. nguồn cung cấp sức lao động cho người sử dụng lao động.
- B. thị trường trao đổi hàng hóa “sức lao động” giữa người lao động và người sử dụng lao động thông qua các hoạt động tuyển chọn, thỏa thuận về tiền lương và các điều kiện làm việc khác.
- C. doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức,... cần thuê mướn, sử dụng người lao động.
- D. một tổ chức kinh tế được thành lập nhằm mục đích thực hiện các hoạt động kinh doanh.

Câu 10. Điều **không** phải các yếu tố ảnh hưởng đến thị trường lao động?

- A. Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
- B. Nhu cầu lao động và nguồn cung lao động.
- C. Trách nhiệm và nghĩa vụ của người sử dụng lao động.
- D. Sự phát triển của khoa học và công nghệ.

Câu 11. Gia tăng vốn đầu tư sản xuất của người sử dụng lao động làm thay đổi

- A. Quy mô và công nghệ sản xuất.
- B. Chất lượng sản phẩm.
- C. Giảm số lượng lao động.
- D. Số lượng sản phẩm tăng.

Câu 12. Nội dung nào dưới đây **không** phải là vấn đề cơ bản của thị trường lao động Việt Nam hiện nay?

- A. Xu hướng tuyển dụng người lao động đã qua đào tạo, có kinh nghiệm luôn chiếm tỉ lệ rất cao.
- B. Xu hướng nguồn cung lao động lớn hơn nhu cầu tuyển dụng, dẫn đến số người và tỉ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động vẫn ở mức cao.
- C. Chất lượng lao động thấp, lao động phân bố không đồng đều ở các lĩnh vực và trình độ đào tạo.
- D. Số người có việc làm và thu nhập bình quân tháng của người lao động tiếp tục giảm mạnh.

Câu 13. Nguồn thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ được trích dẫn tại đâu?

- A. Tạp chí Cộng sản.
- B. Website Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.
- C. Bản tin kinh tế Việt Nam.
- D. Cổng thông tin điện tử quốc gia.

Câu 14. Theo báo cáo của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, lĩnh vực nào có nhu cầu tuyển dụng cao nhất trong ngành công nghệ tại Việt Nam?

- A. Lập trình viên.
- B. Thiết kế đồ họa.
- C. Quản lý dự án.
- D. Hỗ trợ kỹ thuật.

B. Phần tự luận (3 điểm)

Câu 15. Tốt nghiệp trung học cơ sở, học sinh có thể lựa chọn những hướng đi nào liên quan đến nghề nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ?

Câu 16. Bạn đánh giá thế nào về tầm quan trọng của việc hiểu rõ khả năng của bản thân khi chọn nghề? Việc chọn nghề phù hợp có thể giúp bạn sống hạnh phúc hơn không? Vì sao?

IV. ĐÁP ÁN

A. Phần trắc nghiệm:

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6	Câu 7
A	D	C	A	D	C	B
Câu 8	Câu 9	Câu 10	Câu 11	Câu 12	Câu 13	Câu 14
C	B	C	A	D	B	A

B. Phần tự luận:(3,0 điểm)

Câu	Nội dung đáp án	Biểu điểm
Câu 1 1 điểm	- Tốt nghiệp THCS học sinh có thể tiếp tục học THPT, học nghề đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp thuộc lĩnh vực kỹ thuật công nghệ.	0,5 điểm
	- Học sinh cũng có thể tham gia thị trường lao động ở nhóm nghề giản đơn phù hợp với lứa tuổi và đúng pháp luật.	0,5 điểm
Câu 2 2 điểm	- Hiểu rõ khả năng rất quan trọng, vì nó giúp em chọn nghề mà em có thể làm tốt. Nếu chọn nghề vượt quá khả năng, em sẽ gặp nhiều khó khăn và dễ nản chí. - Việc chọn nghề phù hợp có thể giúp em sống hạnh phúc hơn vì khi làm công việc mình yêu thích và phù hợp, em sẽ cảm thấy vui vẻ mỗi ngày. Hơn nữa, thành công trong công việc cũng giúp em tự tin hơn và có cuộc sống ý nghĩa hơn.	1 điểm 1 điểm